

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG TÂM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 22/06/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 2262/QĐ-BNN-KH ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc Ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Đồng Phú về việc Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt, đoạn đi qua huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định phê duyệt số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Đồng Tâm về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã Đồng Tâm về việc Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã Đồng Tâm về việc phân công nhiệm vụ cụ thể Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của sở Tài chính thành phố Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 04 năm 2026;

Theo đề nghị của của Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú tại Công văn số 57b/TTPTQĐ.CNĐP ngày 14/5/2026; đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 432/TTr-PKT ngày 15/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai cho 9 hộ gia đình, cá nhân; với nội dung như sau:

- Phê duyệt Phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1) theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

(Có Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

- Phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ bổ sung (lần 1) đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, TP.Đồng Nai (đợt 1):

(Có Bảng biểu kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Phòng Kinh tế xã Đồng Tâm phổ biến, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Trụ sở UBND xã Đồng Tâm, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (Nhà văn hóa ấp) nơi có đất thu hồi.

b) Trực tiếp gửi phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đã được phê duyệt đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

c) Thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

d) Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của Dự án theo đúng quy định..

2. Phòng Kinh tế:

Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phòng Văn Hóa- Xã hội:

Chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Công thông tin điện tử của xã Đồng Tâm

4. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi:

Có trách nhiệm thực hiện hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

5. Ban Quản lý dự án – Đầu tư xây dựng TP. Đồng Nai:

Có trách nhiệm đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng TP. Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú, Trưởng Ban quản lý ấp Cầu 2; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PKT (xuân)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Thường

PHƯƠNG ÁN

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 16/5/2026 của UBND xã Đồng Tâm)

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án trình phê duyệt bổ sung lần 1 (đợt 1): 09 hộ gia đình, cá nhân với 11 thửa đất thu hồi.

2. Vị trí, diện tích đất thu hồi, nguồn gốc đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

- Vị trí đất thu hồi: Thửa 3, thửa 4, thửa 5, thửa 14, thửa 16, thửa 29, thửa 30, thửa 36, thửa 38, thửa 44, Tờ TĐ 40-2024 (Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt), tại xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai.

2.2 . Diện tích thu hồi: 1.206,5 m²

2.3. Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm.

2.4. Nguồn gốc đất thu hồi: Đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

2.5. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi:

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

3. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở; công trình xây dựng và về cây trồng, vật nuôi; chính sách hỗ trợ:

3.1. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng và cây trồng, vật nuôi:

Theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3.2. Các khoản hỗ trợ khác: Theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung và chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 176.220.172 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng).

Trong đó:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **172.764.875 đồng**. (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng), cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	0
1.1	Đất ở tại nông thôn	0
1.2	Đất trồng cây lâu năm	0
2	Hỗ trợ công trình xây dựng, vật kiến trúc	2.910.320
3	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	41.880.105
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	109.344.450
5	Hỗ trợ ổn định đời sống	18.630.000
6	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất	0
7	Hỗ trợ đối với đối tượng thuộc diện chính sách	0
8	Khen thưởng	0
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)		172.764.875.

Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: **172.764.875 x 2% = 3.455.297 đồng** (căn cứ Hợp đồng số 01/HD-GPMB-SR ngày 15/12/2024).

5. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ từng hộ gia đình, cá nhân).

6. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

7. Phương án bố trí tái định cư: Không .

8. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.

9. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

10. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

Triển khai công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

11. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP. Đồng Nai đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

12. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ (nếu có):

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt, Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Tâm thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG
Về đất, cây trồng bị thiệt hại của ông Lê Hồng Thuận thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 11 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Lê Hồng Thuận; năm sinh: 1972; CCCD số: 070072000878
Địa chỉ thường trú: ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a1) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 833/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm, kèm theo công văn đính chính số 1926/UBND-KT ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Tâm.
- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024
- Thửa số: 30

a2) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 964/TB-UBND ngày 16/9/2025 của UBND xã Đồng Tâm, kèm theo công văn đính chính số 1927/UBND-KT ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Tâm.
- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024
- Thửa số: 29

b) Diện tích đất thu hồi: 376,3 + 125,3 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 106.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).
- Giá đất tại bảng giá đất: Vị trí 1, phạm vi 1: 113.000 đồng/m² (Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026)

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CS) 04424/Đồng Tiến, do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/1/2018

- Thửa đất số: 304
- Tờ bản đồ số: 13
- Diện tích thửa đất 6058,4 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	0
2. Giá trị bồi thường cây trồng	32.864.256

TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
1	Cây cà phê	49	49	2016	469.917	23.025.933	<i>Cây trồng chính</i>
2	Cây mít	2	2	2010	1.048.952	2.097.904	
3	Cây trà	1	1	D75-80	775.248	775.248	
4	Cây gạo vàng	1	1	D50	775.248	775.248	
5	Cây trám	1	1	D60	775.248	775.248	
6	cây lim	2	2	D40	1.199.222	2.398.444	
7	Cây cóc	1	1	2010	1.009.505	1.009.505	
8	Cây điều	2	2	2010	1.003.363	2.006.726	
	Tổng số lượng cây trồng					32.864.256	<i>Vi tổng số tiền cây trồng trên diện tích thu hồi nhỏ hơn 1,5 lần giá trị cây trồng chính theo mật độ chuẩn nên giá trị bồi thường cây trồng = Tổng số tiền cây trồng trên diện tích thu hồi</i>
	1,5 số lượng cây trồng chính	57			469.917	40.177.904	
	Tổng số tiền được bồi thường					32.864.256	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc							-
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			<i>a</i>		<i>b</i>	<i>c=a*b</i>	
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống							810.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	1	3	15	18.000	810.000	* Căn cứ giấy xác nhận số 50/UBND-KT của UBND xã Đồng Tâm ngày 15/10/2025 xác nhận ông Lê Hồng Thuận có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							63.782.850
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	

1	TĐ40-2024	30	376,30	113.000	1,5	63.782.850	*Căn cứ giấy xác nhận số 50/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Lê Hồng Thuận đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. (hiện trạng đất trồng cây cà phê năm 2016). Là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, không thuộc các trường hợp quy định tại a, b, c,d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Lê Hồng Thuận thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn thuộc loại đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông toàn tuyến. *Tạm thời chưa tính phê duyệt hỗ trợ thửa 29 - TĐ40- 2024. <i>(nằm trong hành lang đường điện 500kv)</i>
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							97.457.106
8. Tiền khen thưởng:							0
9. Tổng số tiền (7+8):							97.457.106

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 16 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hồ ông Nguyễn Văn Tân; năm sinh: 1966; CCCD số: 019066000454

Địa chỉ thường trú: ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a1) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 840/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm, kèm theo công văn đính chính số 1925/UBND-KT ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024

- Thừa số: 45

a2) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 838/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm, kèm theo công văn đính chính số 1928/UBND-KT ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024

- Thừa số: 46

b) Diện tích đất thu hồi: $79 + 20,7 \text{ m}^2$

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 92.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).

-Giá đất tại bảng giá đất: Vị trí 1, phạm vi 1: 113.000 đồng/m² (Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026)

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CH) 00445/Đồng Tiến do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 11/11/2011

- Thửa đất số: 14

- Tờ bản đồ số: 18

- Diện tích thửa đất 5357,3 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025									
			a	b	c	d	$e = a*c$	$g=b*d$	$h = e+g$
1							0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng									4.619.298

TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>		
	Cây chôm chôm	9	2	2019	2.178.649	4.357.298	vượt mật độ, 2 cây nằm trong phạm vi GPMB còn lại ngoài GCN được cấp	
	Bụi tre gai	1	1	2017	42.000	42.000		
	Bụi tầm vông	10	10	2017	22.000	220.000		
	Tổng giá trị cây trồng					4.619.298		
	Giá trị 1,5 lần cây trồng chính theo mật độ chuẩn	2			2.178.649	6.535.947		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc								-
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>	
1	Không có công trình xây dựng							
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								4.860.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>			
1	6	3	15	18.000	4.860.000		Căn cứ giấy xác nhận số 28/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hộ ông Nguyễn Văn Tân có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ GXN nhân khẩu của công an xã Đồng Tâm. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm								16.899.150
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>		

1	TĐ40-2024	45 + 46	99,70	113.000	1,5	16.899.150	Căn cứ giấy xác nhận số 28/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hộ ông Nguyễn Văn Tân đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Nguyễn Văn Tân thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn thuộc loại đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông toàn tuyến.
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							26.378.448
8. Tiền khen thưởng:							0
9. Tổng số tiền (7+8):							26.378.448

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Về đất, cây trồng bị thiệt hại của bà Giang Thị Thúy thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rat

Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 01 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Bà Giang Thị Thúy; năm sinh: 1964; CCCD số: 034164024703

Địa chỉ thường trú: ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 868/TB-UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024

- Thửa số: 03

b) Diện tích đất thu hồi: $4,1 \text{ m}^2$

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 92.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CH) 04939/Tân Phước, cấp ngày 07/7/2020

- Thửa đất số: 691

- Tờ bản đồ số:25

- Diện tích thửa đất 3.743,2 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025							0
2. Giá trị bồi thường cây trồng							0
TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
	Đất trồng	0	0	0	-	-	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc							-
STT	Loại nhà	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú		
		<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống					810.000		

TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	1	3	15	18.000	810.000	Căn cứ giấy xác nhận số 30/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bà Giang Thị Thủy có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						0	
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ40-2024					0	Căn cứ giấy xác nhận số 30/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bà Giang Thị Thủy đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. (hiện trạng đất trống)
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển						0	
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):						810.000	
8. Tiền khen thưởng:						0	
9. Tổng số tiền (7+8):						810.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG
Về đất, cây trồng bị thiệt hại của ông Trần Việt Thắng thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 02 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Ông Trần Việt Thắng; năm sinh: 1995; CCCD số: 070095011453

Địa chỉ thường trú: ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 898/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TD40-2024

- Thửa số: 04

b) Diện tích đất thu hồi: 63,7 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 92.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CS) 012103/Đồng Tiến do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/9/2022

- Thửa đất số: 692

- Tờ bản đồ số: 25

- Diện tích thửa đất 2829,6 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025							0
2. Giá trị bồi thường cây trồng							0
TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			a	b	c	d=a*c	
	Đất trống	0	0	0	-	-	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc							-
STT	Loại nhà	Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
		a		b		c=a*b	

1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống						810.000	
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	1	3	15	18.000	810.000	Căn cứ giấy xác nhận số 42/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ông Trần Việt Thắng có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						0	
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ40-2024					0	Căn cứ giấy xác nhận số 42/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ông Trần Việt Thắng đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. (hiện trạng đất trống)
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							810.000
8. Tiền khen thưởng:							0
9. Tổng số tiền (7+8):							810.000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Về đất, cây trồng bị thiệt hại của hộ ông Hoàng Bấy thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rát
Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

Mã PACT: 03 /PACT-SR.BP-BSL1

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Ông Trần Viết Hưng; năm sinh: 1990; CCCD số: 070090000431

Địa chỉ thường trú: phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

a) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 911/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024

- Thừa số: 05

b) Diện tích đất thu hồi: 17,8 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 92.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).

e) **Nguồn gốc đất:** Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CS) 012104/Đông Tiến do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/9/2022

- Thửa đất số: 693

- Tờ bản đồ số:25

- Diện tích thửa đất 2176,5 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025									0
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>
1							0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng									0
TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
	Đất trống	0	0	0	-	-			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc									-

STT	Loại nhà	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú		
		a	b	$c=a*b$			
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống				810.000			
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	a	b	c	d	$e = a*b*c*d$		
1	1	3	15	18.000	810.000	Căn cứ giấy xác nhận số 44/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ông Trần Việt Hưng có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						0	
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			a	b	c	$d=a*b*c$	
1	TĐ40-2024					0	Căn cứ giấy xác nhận số 44/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ông Trần Việt Hưng đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. (hiện trạng đất trống)
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							810.000
8. Tiền khen thưởng:							0
9. Tổng số tiền (7+8):							810.000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Về đất, cây trồng bị thiệt hại của ông Trần Xuân Đức cùng vợ là bà Bùi Thị Thanh Thúy thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

Mã PACT: 05 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Ông Trần Xuân Đức; năm sinh: 1971; CCCD số: 036071008690 cùng vợ là bà Bùi Thị Thanh Thúy; năm sinh 1973; CCCD số: 285139654

Địa chỉ thường trú: ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: **Áp cầu 2**, xã **Đồng Tâm**, thành phố **Đồng Nai**.

- Thông báo thu hồi đất số: 912/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm kèm công văn đính chính số 07/UBND-KT ngày 05/01/2026.

- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024

- Thừa số: 14

b) Diện tích đất thu hồi: 20,0 m²

c) Loại đất (MĐSDD): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: 106.000 đồng/m² (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất xã Đồng Tâm thông qua ngày 08/12/2025).

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CH) 000948/Đồng Tiến do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 07/9/2011

- Thửa đất số: 865

- Tờ bản đồ số: 25

- Diện tích thửa đất 1721,5 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025										
			a	b	c	d	$e = a*c$	$g=b*d$	$h = e+g$	
1								0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng										
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				a	b	c	$d=a*c$			
	Đất trống		0	0	0	-	-			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										

STT	Loại nhà	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú		
		a	b	$c=a*b$			
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống				1.620.000			
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	a	b	c	d	$e = a*b*c*d$		
1	2	3	15	18.000	1.620.000	Căn cứ giấy xác nhận số 46/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hộ ông Trần Xuân Đức có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						0	
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			a	b	c	$d=a*b*c$	
1	TĐ40-2024					0	Căn cứ giấy xác nhận số 46/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hộ ông Trần Xuân Đức đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. (hiện trạng đất trống)
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển						0	
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):						1.620.000	
8. Tiền khen thưởng:						0	
9. Tổng số tiền (7+8):						1.620.000	

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025										0
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1								0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng:										949.433

TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây), (m ²)	Số lượng cây bồi thường (m ²)	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
	Cây vối	1	1	D=14	389.433	389.433	
	Cây chuối	20	20		28.000	560.000	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc							1.333.360
STT	Loại nhà, công trình	Diện tích	Đơn giá	Tỉ lệ (%)	Thành tiền	Ghi chú	
		<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>		
1	Hàng rào có móng xây gạch, tường xây gạch 10cm không tô trát	6,58	221.000	80%	1.163.344	Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai.	
2	Hàng rào lưới B40 trụ các loại	2,76	77.000	80%	170.016	Căn cứ công văn số 51/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận công trình xây dựng của hộ ông Tạ Văn Đạt xây năm 2015.	
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống							4.050.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	5	3	15	18.000	4.050.000	Căn cứ giấy xác nhận số 52/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận Hộ ông Tạ Văn Đạt có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 254/BC-STC ngày 03/3/2026 của Sở Tài chính. * Căn cứ GCN nhân khẩu của công an xã Đồng Tâm. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							17.407.650

TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ40-2024	36	102,70	113.000	1,5	17.407.650	Căn cứ giấy xác nhận số 52/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận Hộ ông Tạ Văn Đạt cùng vợ Nguyễn Thị Nhung đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. Đồng thời, không thuộc các đối tượng tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của chính phủ. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Nguyễn Văn Tân thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn thuộc loại đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trái nhựa, bê tông toàn tuyến.
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							23.740.443
8. Tiền khen thưởng: Số tiền đã phê duyệt + số tiền phê duyệt bổ sung từ 20.000.000 - 50.000.000 đồng							0
9. Tổng số tiền (7+8):							23.740.443

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG
Về đất, công trình vật kiến trúc, cây trồng bị thiệt hại của ông Nguyễn Văn Hải thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã ĐồngTâm)

Mã PACT: 14 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Ông Nguyễn Văn Hải; năm sinh: 1981;CCD số: 019081000985
Địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 837/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm kèm theo công văn đính chính số 09/UBND-KT ngày 05/01/2026 của UBND xã Đồng Tâm.
- Tờ bản đồ số: TĐ40-2024
- Thửa số: 38

b) Diện tích đất thu hồi: 66,4 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CS) 03080/Đồng Tiến do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/8/2016.

- Thửa đất số: 38
- Tờ bản đồ số: 18
- Diện tích thửa đất 2087,4 m².

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025										0
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	e = a*c	g=b*d	h = e+g	
1								0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng:										3.447.118
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây), (m ²)	Số lượng cây bồi thường (m ²)	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	

				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
	Cây xà cừ	2	2	d= 62 cm	904.456	1.808.912		
	Cây xà cừ	2	2	d= 30,2cm	677.962	1.355.924		
	Cây xà cừ	2	2	d = 3-6cm	120.141	240.282		
	Cây tre tàu	1 bụi (75 cây)	1	trên 1 năm	42.000	42.000		
giá trị cây trồng thực tế							3.447.118	
1,5 lần giá trị cây trồng chính theo mật độ chuẩn		5			904.456	6.783.420		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc								1.576.960
STT	Loại nhà		Diện tích (m ²)		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
			a		b	c=a*b		
1	Hàng rào lưới B40		25,6		77.000	1.576.960	Căn cứ giấy xác nhận số 53/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận công trình xây dựng năm 2020. <i>STT 55, phụ lục IIb Quyết định 18/2026/QĐ-UBND.</i>	
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								810.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú		
	a	b	c	d	e = a*b*c*d			
1	1	3	15	18.000	810.000	Căn cứ giấy xác nhận số 54/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Nguyễn Văn Hải có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.		
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm								11.254.800
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú	
			a	b	c	d=a*b*c		

1	TĐ40-2024	18	66,40	113.000	1,5	11.254.800	Căn cứ giấy xác nhận số 54/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Nguyễn Văn Hải đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. Đồng thời, không thuộc các đối tượng tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của chính phủ. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Nguyễn Văn Hải thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn thuộc loại đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trái nhựa, bê tông toàn tuyến.
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển							0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):							17.088.878
8. Tiền khen thưởng:							0
9. Tổng số tiền (7+8):							17.088.878

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG

Về đất, cây trồng bị thiệt hại của hộ ông Nguyễn Viết Cường thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

Vị trí đất: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 15 /PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ ông Nguyễn Viết Cường; năm sinh: 1973;CCD số: 019073000345

Địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 839/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm kèm theo công văn đính chính số 04/UBND-KT ngày 05/01/2026 của UBND xã Đồng Tâm.

- Tờ bản đồ số: TD40-2024

- Thửa số: 44

b) Diện tích đất thu hồi: 330,5 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (H) 2146/QSĐĐ/3110/QĐ-UBND cấp ngày 29/12/2006.

- Thửa đất số: 11

- Tờ bản đồ số: 18

- Diện tích thửa đất 4707 m².

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: Đồng

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025										0
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	e = a*c	g=b*d	h = e+g	
1								0	0	
2. Giá trị bồi thường cây trồng:										0
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây), (m ²)	Số lượng cây bồi thường (m ²)	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	

				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
							0	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc								-
STT	Loại nhà		Diện tích (m ²)		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>	
							-	
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								4.050.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú		
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>			
1	5	3	15	18.000	4.050.000	Căn cứ giấy xác nhận số 38/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận hộ ông Nguyễn Viết Cường có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính. * Căn cứ GXN nhân khẩu của công an xã Đồng Tâm.		
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm								0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>		
1	TĐ40-2024	44	0,00	0	0	0	Căn cứ giấy xác nhận số 38/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận hộ ông Nguyễn Viết Cường đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi.(đất trống)	
6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển								0
7. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4+5+6):								4.050.000
8. Tiền khen thưởng:								0
9. Tổng số tiền (7+8):								4.050.000

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÊ DUYỆT BỔ SUNG KINH PHÍ
Bồi thường, hỗ trợ , tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm
thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1)
(Kèm theo Quyết định số 1016 /QĐ-UBND ngày 16/5/2026 của UBND xã Đồng Tâm)

STT	Họ tên, địa chỉ người sử dụng đất		Diện tích đất thu hồi			Kết quả phê duyệt bổ sung (đồng)							
	Họ tên	Địa chỉ thường trú	Tờ BD	Số thửa	Diện tích (m ²)	Tiền hỗ trợ nhà, công trình xây dựng	Tiền bồi thường cây trồng	Tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	tiền hỗ trợ ổn định đời sống	tiền hỗ trợ tạm cư	Tiền khen thưởng	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	Ông Lê Hồng Thuận	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	29 và 30	501,6	0	32.864.256	63.782.850	810.000	0	0	97.457.106	
2	Hộ ông Nguyễn Văn Tân	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	45 và 46	99,7	0	4.619.298	16.899.150	4.860.000	0	0	26.378.448	
3	Bà Giang Thị Thúy	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	3	4,1	0	0	0	810.000	0	0	810.000	
4	Ông Trần Việt Thắng	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	4	63,7	0	0	0	810.000	0	0	810.000	
5	Ông Trần Viết Hưng	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	5	17,8	0	0	0	810.000	0	0	810.000	
6	Ông Trần Xuân Đức cùng vợ là bà Bùi Thị Thanh Thúy	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	14	20,0	0	0	0	1.620.000	0	0	1.620.000	
7	Hộ ông Tạ Văn Đạt cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nhung	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	36	102,7	1.333.360	949.433	17.407.650	4.050.000	0	0	23.740.443	
8	Ông Nguyễn Văn Hải	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	38	66,4	1.576.960	3.447.118	11.254.800	810.000	0	0	17.088.878	
9	Hộ ông Nguyễn Viết Cương	Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 40-2024	44	330,5	0	0	0	4.050.000	0	0	4.050.000	
TỔNG				11	1.206,5	2.910.320	41.880.105	109.344.450	18.630.000	0	0	172.764.875	